

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH DƯỚI GÓC ĐỘ KỸ THUẬT VĂN BẢN

NGUYỄN NGỌC HÒA *

Tóm tắt: Bài viết phân tích các hạn chế về kỹ thuật văn bản ở các chương XXI và XXII Bộ luật Hình sự do không đáp ứng yêu cầu về tính logic trong bố cục hoặc tính khoa học trong sử dụng ngôn ngữ và đề xuất biện pháp khắc phục các hạn chế này.

Từ khóa: Các tội xâm phạm an toàn công cộng; các tội xâm phạm trật tự công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; kỹ thuật văn bản

Ngày nhận bài: 23/12/2024; Biên tập xong: 10/01/2025; Duyệt đăng: 17/01/2025

PROVISIONS OF THE PENAL CODE ON CRIMES AGAINST PUBLIC SAFETY, PUBLIC ORDER, ADMINISTRATIVE MANAGEMENT ORDER FROM THE PERSPECTIVES OF DOCUMENT TECHNIQUES

Abstract: The paper analyzes the limitations of document techniques found in Chapter XXI and Chapter XXII of the Penal Code as those articles do not meet the requirements of logic in layout or scientific use of language, and proposes measures to overcome these limitations.

Keywords: Crimes against public safety; crimes against public order; crimes against administrative management order; document techniques

Received: Dec 23th, 2024; **Editing completed:** Jan 10th, 2025; **Accepted for publication:** Jan 17th, 2025

1. Đặt vấn đề

Để các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) nói chung cũng như các quy định về các loại tội cụ thể nói riêng, trong đó có các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính có tính chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng đòi hỏi các quy định này phải được xây dựng đúng theo yêu cầu của kỹ thuật văn bản. Trên thực tế, BLHS vẫn có hạn chế về kỹ thuật văn bản ở một số quy định. Hạn chế này đòi hỏi cần được khắc phục để nâng cao chất lượng của BLHS và qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật này trong thực tiễn. Theo đó, bài viết phân tích các hạn chế về kỹ thuật văn bản của các chương XXI, XXII BLHS quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính. Trên cơ sở đó, bài viết cũng đề xuất biện pháp khắc phục các hạn chế về kỹ thuật văn bản trong hai chương này của BLHS.

2. Những hạn chế về kỹ thuật văn bản của Chương XXI và đề xuất khắc phục

2.1. Những hạn chế về bố cục mục, tiêu đề mục trong chương XXI và đề xuất khắc phục

Chương XXI có tiêu đề là “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”. Đây là tiêu đề ghép, biểu đạt hai chủ đề của chương gồm “các tội xâm phạm an toàn công cộng” và “các tội xâm

phạm trật tự công cộng”. Về bố cục, chương này gồm 04 mục. Mục 1 có tiêu đề “Các tội xâm phạm an toàn giao thông”; mục 2 có tiêu đề “Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông”; mục 3 có tiêu đề “Các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng” và mục 4 có tiêu đề “Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng”. Tiêu đề của 04 mục này cho thấy, các mục 1, 2 và 3 phản ánh 03 bộ phận của chủ đề “Các tội xâm phạm an toàn công cộng” và mục 4 phản ánh chủ đề “Các tội xâm phạm trật tự công cộng”. Do “Các tội xâm phạm an toàn công cộng” ngang hàng với “Các tội xâm phạm trật tự công cộng” nên các mục 1, 2 và 3 không thể ngang hàng với mục 4. Như vậy, bố cục các mục của Chương XXI không logic. Để bảo đảm tính logic trong bố cục của các mục, Chương XXI cần bố cục thành 02 mục tương ứng với 02 chủ đề thành phần của chương được thể hiện trong tiêu đề ghép của chương¹. Theo đó, mục 1 có tiêu đề là “Các tội xâm phạm an toàn công cộng”. Mục này có 03 tiểu mục tương ứng với các mục 1, 2 và 3 đang được quy định. Mục 2 của chương tương ứng với mục 4 đang được quy định. Tuy nhiên, cần phải khắc phục một số hạn chế về tiêu đề của các mục

* Email: Nnhhoa@hcmulaw.edu.vn

Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

¹ Nguyễn Ngọc Hòa, “Kỹ thuật văn bản và Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật văn bản”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 8/2023.

đang được quy định này. Cụ thể các hạn chế đó là:

- Tiêu đề của 04 mục trong Chương XXI không được đặt theo cách thống nhất. Trong khi tiêu đề của các mục 1, 3 và 4 được đặt theo cách đặt tiêu đề của chương (sử dụng động từ “xâm phạm” để biểu đạt chủ đề mục theo đối tượng bị tội phạm xâm hại), thì tiêu đề của mục 2 lại được đặt theo cách sử dụng kết từ “về” để biểu đạt chủ đề mục theo lĩnh vực liên quan của nhóm tội. Hơn nữa, tiêu đề này được xây dựng theo cách liệt kê các lĩnh vực nhưng liệt kê còn thiếu lĩnh vực rất quan trọng là mạng Internet. Do vậy, có thể thay cách liệt kê này bằng cách dùng từ đại diện để tiêu đề của mục 2 bao quát hết các tội trong mục. Từ đại diện ở đây có thể là “không gian mạng” hoặc “an ninh mạng” vì đây là từ có tính bao quát². Cùng với đó, cần xây dựng tiêu đề theo cách sử dụng động từ “xâm phạm”. Như vậy, tiêu đề mục 2 (hiện nay và là tiểu mục 2 của mục 1 theo đề xuất sửa đổi) có thể là “Các tội xâm phạm an toàn không gian mạng” hoặc “Các tội xâm phạm an ninh mạng”³.

- Tiêu đề của mục 4 thừa tính từ “khác”. Tiêu đề của mục 4 là: “Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng”. Tiêu đề này được xây dựng theo cách sử dụng tính từ “khác” để biểu đạt nhóm tội này cùng chủ đề với nhóm/các nhóm tội khác đã được định danh. Tuy nhiên, ở đây không có nhóm tội nào đã được định danh mà cùng chủ đề với nhóm tội của mục này vì các nhóm tội tại các mục từ 1 đến 3 đều thuộc chủ đề về “Các tội xâm phạm an toàn công cộng” còn nhóm tội ở mục 4 có chủ đề về “Các tội xâm phạm trật tự công cộng”. Như vậy, từ “khác” ở tiêu đề của mục 4 là thừa và theo đó từ “phạm” cũng không cần thiết. Theo đó, tiêu đề của mục 4 (hiện nay và là mục 2 theo đề xuất sửa đổi) sẽ là “Các tội xâm phạm trật tự công cộng”.

- Trong tiêu đề của mục 3, tính từ “khác” không được đặt đúng vị trí. Tiêu đề của mục 3

là “Các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng”. Tính từ “khác” ở đây được sử dụng để biểu thị nhóm tội ở mục này cùng loại (xâm phạm an toàn công cộng) với nhóm tội ở mục 1 và mục 2. Các tội ở hai mục này đều là các tội xâm phạm an toàn công cộng đã được định danh (có tên gọi riêng), còn các tội ở mục 3 cũng là các tội xâm phạm an toàn công cộng nhưng khác với các tội xâm phạm an toàn công cộng đã được định danh ở mục 1 và mục 2. Do vậy, tính từ “khác” ở đây phải được đặt ở cuối để bổ nghĩa cho “các tội xâm phạm an toàn công cộng” mà không phải được đặt sau từ tội phạm để bổ nghĩa cho từ tội phạm như hiện nay. Theo đó, tiêu đề của mục 3 (hiện nay và là tiểu mục 3 của mục 1 theo đề xuất sửa đổi) sẽ là “Các tội xâm phạm an toàn công cộng khác”.

Tóm lại, để bảo đảm tính logic của các bố cục và tính chính xác của các tiêu đề, Chương XXI cần được xây dựng thành 02 mục. Mục 1 có tiêu đề là “Các tội xâm phạm an toàn công cộng” và mục 2 có tiêu đề là “Các tội xâm phạm trật tự công cộng”. Trong đó, mục 1 có 3 tiểu mục, tiểu mục 1 có tiêu đề là “Các tội xâm phạm an toàn giao thông”; tiểu mục 2 có tiêu đề là “Các tội xâm phạm an toàn không gian mạng/các tội xâm phạm an ninh mạng”; và tiểu mục 3 có tiêu đề là “Các tội xâm phạm an toàn công cộng khác”⁴.

2.2. Những hạn chế về tội danh trong Chương XXI và đề xuất khắc phục

Thứ nhất, tội danh ở một số điều trong Chương XXI thể hiện là tội cố ý nhưng quy định của điều lại thể hiện hành vi phạm tội chủ yếu thuộc tội vô ý

Đó là các điều 266 và 316. Tội danh ở Điều 266 là “Tội đua xe trái phép” và tội danh ở Điều 316 là “Tội phá thai trái phép”. Hai tội danh này thể hiện tội được quy định là tội cố ý vì “đua xe” và “phá thai” (trái phép) đã hàm chứa lỗi của chủ thể là cố ý. Tuy nhiên, tội phạm được quy định/mô tả trong hai điều này chủ yếu lại là tội vô ý vì tội được mô tả chủ yếu là trường hợp hành vi đua xe/phá thai trái phép đã gây hậu quả nghiêm trọng và lỗi của chủ thể đối với hậu quả đó là lỗi vô ý. Bên cạnh đó, tội phạm được mô tả cũng có thể là trường hợp tội cố ý khi hành vi phạm tội được mô tả chỉ là hành vi đua xe/phá thai trái phép của chủ thể có nhân thân xấu⁵. Đây là trường

² Khoản 3 Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định: “3. Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.”; khoản 1 của điều này quy định: “1. An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

³ Về vấn đề này, có ý kiến đề xuất thay tiêu đề “Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông” thành “Các tội xâm phạm an toàn mạng máy tính, mạng viễn thông”. Xem: Nguyễn Văn Hương, Đào Phương Thanh (2023), *Kỹ thuật văn bản trong Phần các tội phạm BLHS - Thực trạng và kiến nghị*, Đề tài khoa học cấp Bộ “Kỹ thuật lập pháp ở Việt Nam hiện nay - Lý luận, thực trạng và kiến nghị”, Bộ Tư pháp, tr. 181.

⁴ Có ý kiến đề xuất tách Chương XXI thành 02 chương - Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng và Chương các tội xâm phạm trật tự công cộng. Xem: Nguyễn Văn Hương, Đào Phương Thanh (2023), *ltdđ*, tr. 161 và các trang tiếp theo.

⁵ Sở dĩ có tình trạng tội được quy định trong một điều mà có thể vừa là tội cố ý, vừa là tội vô ý vì BLHS quy

hợp tội được quy định có thể là tội cố ý và tội vô ý nên việc đặt tội danh phù hợp với cả hai loại lỗi là không khả thi. Hạn chế về tội danh trên đây chỉ có thể được khắc phục khi không cho phép quy định nhân thân xấu là dấu hiệu định tội như hiện nay⁶.

Thứ hai, tội danh ở Điều 282 chưa chính xác

Tội danh ở điều này là “Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy”. Trong tội danh này có từ “chiếm đoạt” là từ đã được sử dụng trong Chương các tội xâm phạm sở hữu với nghĩa chuyển trái phép tài sản của người khác thành tài sản của mình. Trong khi đó, người phạm tội theo Điều 282 không có ý định đó mà chỉ muốn sử dụng trái phép tàu bay, tàu thủy để di chuyển và điều này đe dọa an toàn giao thông nên được xếp vào chương “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”. Như vậy, ở đây có việc sử dụng 01 từ để biểu đạt 02 nội dung khác nhau, trong cùng văn bản và việc sử dụng từ này ở Điều 282 là không phù hợp. Do vậy, tội danh ở Điều 282 là không chính xác. Để bảo đảm tính xác của tội danh ở Điều 282 và đáp ứng yêu cầu không sử dụng 01 từ để biểu đạt các nội dung khác nhau, cần sử dụng từ khác thay cho từ “chiếm đoạt” trong tội danh ở điều này. Theo đó có thể thay từ “chiếm đoạt” bằng từ “chiếm” hoặc “chiếm giữ” và như vậy tội danh ở Điều 282 có thể là “Tội chiếm tàu bay, tàu thủy” hoặc “Tội chiếm giữ tàu bay, tàu thủy”.

Thứ ba, tội danh ở Điều 285 chưa chính xác, chưa ngắn gọn

Tội danh ở điều này là “Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật”. Tội danh này được xây dựng theo cách liệt kê các dạng hành vi phạm tội cũng như các đối tượng của hành vi phạm tội nên tương đối dài. Trong đó, đối tượng của hành vi phạm tội được biểu đạt chưa chính xác vì 02 đối tượng công cụ, thiết bị không được giới hạn chỉ là công cụ, thiết bị tin học như quy định của điều xác định. Do vậy, tội danh ở Điều 285 là chưa chính xác. Ngoài ra, các hành vi

phạm tội được liệt kê trong tội danh có phần trùng nhau vì mua bán và tặng cho cũng chỉ là hình thức cụ thể của trao đổi. Để bảo đảm tội danh ở Điều 285 chính xác và ngắn gọn, cần bổ sung bổ ngữ “tin học” cho đối tượng công cụ, thiết bị và dùng từ đại diện “trao đổi” thay cho mua bán, trao đổi và tặng cho. Theo đó, tội danh ở Điều 285 có thể là “Sản xuất, trao đổi công cụ, thiết bị, phần mềm tin học để sử dụng vào mục đích trái pháp luật”.

Thứ tư, tội danh ở Điều 286 chưa chính xác

Tội danh ở điều này là “Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”. Tội danh này được xây dựng theo cách liệt kê các đối tượng bị gây hại, trong đó có các loại “mạng” nhưng mạng Internet là mạng quan trọng lại chưa được liệt kê. Do vậy, tội danh ở Điều 286 chưa chính xác. Để bảo đảm tội danh ở Điều 286 chính xác và ngắn gọn hơn có thể dùng từ “đại diện” bao quát các đối tượng bị gây hại nói chung cũng như các loại mạng nói riêng. Đó là từ “không gian mạng” đã được trình bày ở tiểu mục 2.1. Theo đó, tội danh ở Điều 286 có thể là “Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho không gian mạng, phương tiện điện tử”. Hạn chế về tội danh như ở Điều 286 còn thấy ở các điều từ Điều 287 đến Điều 289 vì các điều này cũng sử dụng cụm từ “mạng máy tính, mạng viễn thông” trong tội danh nên thiếu mạng Internet. Hạn chế ở các điều này có thể được khắc phục theo cách như cách khắc phục ở Điều 286.

Thứ năm, tội danh ở Điều 290 không chính xác và chưa ngắn gọn

Tội danh ở điều này là “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tội danh này biểu đạt hành vi phạm tội là hành vi chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn phạm tội là sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử. Trong khi đó, hành vi phạm tội được mô tả tại khoản 1 của điều này lại không phải là hành vi chiếm đoạt tài sản mà là 05 loại hành vi khác nhau được xác định tại các điểm từ điểm a đến điểm đ và “chiếm đoạt tài sản” được quy định chỉ là mục đích của người thực hiện các hành vi này. Cụ thể khoản 1 quy định:

“1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

định dấu hiệu nhân thân xấu có thể thay thế dấu hiệu hậu quả thiệt hại. Theo đó, trường hợp gây hậu quả thiệt hại sẽ là trường hợp tội vô ý vì lỗi đối với hậu quả là vô ý mặc dù đối với hành vi là cố ý. Trái lại, trường hợp không gây hậu quả thiệt hại nhưng chủ thể có nhân thân xấu sẽ là trường hợp tội cố ý vì lỗi đối với hành vi là lỗi cố ý. Về vấn đề này, xem thêm: Nguyễn Ngọc Hòa, “BLHS năm 1999 với việc quy định đặc điểm về nhân thân là dấu hiệu định tội”, *Tạp chí Luật học*, số 6/2001.

⁶ Khi dấu hiệu nhân thân xấu ở 2 điều này được loại bỏ, tội danh ở Điều 266 có thể là: Tội đua xe trái phép gây hậu quả nghiêm trọng và tội danh ở Điều 316 có thể là: Tội phá thai trái phép gây hậu quả nghiêm trọng.

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;

d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;

đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản⁷.

Như vậy, tội danh ở Điều 290 là không chính xác vì không phù hợp với nội dung quy định. Ngoài ra, tội danh ở Điều 290 cũng tương đối dài do liệt kê các đối tượng của không gian mạng (nhưng liệt kê vẫn thiếu mạng Internet). Do đó, tội danh chính xác và ngắn gọn ở Điều 290 có thể là “Tội sử dụng không gian mạng, thiết bị điện tử nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Thứ sáu, tội danh ở Điều 291 chưa chính xác

Tội danh ở điều này là “Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Trong tội danh này, còn thiếu cụm từ “của người khác” làm bỏ ngữ biểu đạt tính chất của “tài khoản ngân hàng”. Ngoài ra, có thể bỏ từ “mua bán” vì “mua bán” cũng là một hình thức “trao đổi”. Theo đó, tội danh ở Điều 291 có thể là “Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác”.

Thứ bảy, tội danh ở Điều 293 chưa ngắn gọn

Tội danh ở điều này là “Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh”. Tội danh này tương đối dài vì được xây dựng theo cách liệt kê mục đích sử dụng của các tần số vô tuyến điện bị sử dụng trái phép. Ở đây, có thể sử dụng tính chất chung của các tần số này thay cho việc phải liệt kê các mục đích sử dụng khác nhau của nó. Đó là tính “ưu tiên” và các tần số được liệt kê có thể được gọi chung là “tần số ưu tiên”. Theo đó, tội danh ở Điều 293 có thể là “Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện ưu tiên”.

Thứ tám, tội danh ở các điều 304, 305, 306, 309, 311 chưa ngắn gọn vì được xây dựng theo cách diễn giải, liệt kê các dạng hành vi phạm tội và các đối tượng cụ thể của các hành vi phạm tội đó

Các hành vi phạm tội được liệt kê ở các điều này là “sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép” và ở mỗi điều, các hành vi này hướng tới đối tượng hoặc nhóm đối tượng riêng. Tính chất pháp lý chung của các hành vi này là “xâm phạm chế độ quản lý” và đối tượng quản lý là đối tượng được liệt kê ở từng điều. Theo đó, tội danh ở các điều trên có thể như sau:

+ Điều 304. Tội cố ý xâm phạm chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự;

+ Điều 305. Tội cố ý xâm phạm chế độ quản lý vật liệu nổ;

+ Điều 306. Tội cố ý xâm phạm chế độ quản lý súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;

+ Điều 309. Tội cố ý xâm phạm chế độ quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân;

+ Điều 311. Tội cố ý xâm phạm chế độ quản lý chất cháy, chất độc.

2.3. Những hạn chế về diễn đạt dấu hiệu định tội trong Chương XXI và đề xuất khắc phục

Khoản 1 của 42/69 điều có diễn đạt dấu hiệu định lượng để định tội không chính xác. Dấu hiệu định lượng tại khoản 1 của các điều về tội cụ thể là dấu hiệu định lượng tối thiểu để hành vi được quy định bị coi tội phạm. Tuy nhiên, tại khoản 1 của 42 điều trong Chương XXI⁷, dấu hiệu này không chỉ biểu đạt mức tối thiểu mà cả mức tối đa của dấu hiệu định lượng. Đây là biểu đạt không chính xác nên dẫn đến sự không chính xác của cả điều. Tại khoản 1 các điều này, cấu trúc ngữ pháp được sử dụng để biểu đạt dấu hiệu định lượng là “từ... đến/dưới...”. Để quy định tại khoản 1 (cấu thành tội phạm cơ bản) bao hàm quy định tại các khoản sau đó (cấu thành tội phạm tăng nặng), cấu trúc ngữ pháp đã được sử dụng phải được thay bằng cấu trúc ngữ pháp “từ... trở lên.”.

3. Hạn chế về kỹ thuật văn bản trong Chương XXII Bộ luật Hình sự và đề xuất khắc phục

Chương XXII có tiêu đề là “Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính”. Ở đây, tiêu đề chương được đặt theo cách sử dụng động từ “xâm phạm” để thể hiện chủ đề chương theo đối tượng bị nhóm tội trong chương xâm hại. Để biểu đạt đối tượng bị xâm hại, Chương XXII sử dụng cụm từ “trật tự quản lý hành chính” tương tự như

⁷ Đó là các điều từ Điều 260 đến Điều 264; Điều 266 đến Điều 281; các điều 286, 287, 288; các điều từ Điều 291 đến Điều 298; các điều 307, 308, 310; các điều từ Điều 312 đến Điều 317; Điều 321; Điều 326.

Chương XVII sử dụng cụm từ “chế độ hôn nhân và gia đình”. So sánh 02 từ được sử dụng xây dựng 02 cụm từ này là từ trật tự và từ chế độ, có thể thấy rằng từ chế độ phù hợp hơn. Theo đó, có thể sửa lại tiêu đề của Chương XXII thành “Các tội xâm phạm chế độ quản lý hành chính” và việc thay đổi này cũng để bảo đảm tính thống nhất trong sử dụng từ.

Ngoài hạn chế về tiêu đề như vậy, Chương XXII còn một số hạn chế về kỹ thuật văn bản sau:

3.1. Những hạn chế về tội danh trong Chương XXII và đề xuất khắc phục

Thứ nhất, tội danh ở Điều 337, Điều 338 và Điều 339 chưa ngắn gọn

- Tội danh ở Điều 337 là “Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước”. Đây là trường hợp 02 tội danh được ghép vào cùng một điều và tội danh được xây dựng theo cách diễn giải, liệt kê các dạng hành vi phạm tội nên tội danh ở điều này tương đối dài. Tương tự như vậy, tội danh ở Điều 338 cũng tương đối dài “Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước”. Tội phạm được quy định tại hai điều này có điểm chung là đều hướng vào “bí mật nhà nước”. Tuy nhiên, các hành vi phạm tội ở Điều 337 đều là hành vi phạm tội cố ý còn ở Điều 338 đều là hành vi phạm tội vô ý. Từ điểm chung và điểm riêng như vậy, có thể xây dựng tội danh ở Điều 337 và Điều 338 theo cách dựa vào các điểm chung và riêng này. Theo đó, tội danh ở Điều 337 có thể là “Tội cố ý xâm phạm chế độ quản lý bí mật nhà nước” và tội danh ở Điều 338 có thể là “Tội vi phạm quy định về bí mật nhà nước”.

- Tội danh ở Điều 339 là “Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác”. Tội danh này cũng được xây dựng theo cách diễn giải, liệt kê các đối tượng cụ thể bị giả mạo. Để tội danh ngắn gọn, có thể bỏ các liệt kê này. Theo đó, tội danh ở Điều 339 có thể là “Tội giả danh”.

Thứ hai, tội danh ở Điều 340 chưa chính xác, chưa ngắn gọn; diễn đạt của khoản 1 và điểm b khoản 2 không chính xác

Tội danh ở Điều 340 là “Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Điều này quy định 02 trường hợp phạm tội của người có hành vi sửa chữa giấy tờ...⁸:

⁸ “Điều 340. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức

1. Người nào sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm hoặc

Trường hợp phạm tội thứ nhất là trường hợp đã “sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm” và trường hợp phạm tội thứ hai là trường hợp người sửa chữa giấy tờ “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này...”. Theo đó, tội danh ở Điều 340 chỉ phù hợp với trường hợp phạm tội thứ nhất mà không phù hợp với trường hợp phạm tội thứ hai theo quy định của điều này. Do vậy, trong tội danh không thể có thêm cụm từ “và sử dụng”. Ngoài ra, tội danh ở Điều 340 được xây dựng theo cách diễn giải, liệt kê các đối tượng của hành vi phạm tội trong khi có thể dùng từ đại diện thay cho các đối tượng được liệt kê này như đã được sử dụng trong quy định của điều. Đó là từ “giấy tờ”. Theo đó, tội danh ở Điều 340 có thể là “Tội sửa chữa giấy tờ”.

Khoản 1 Điều 340 quy định: “1. Người nào sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức...”. Với diễn đạt này, có thể hiểu khoản này mô tả hai hành vi phạm tội là hành vi “sửa chữa nội dung...” và hành vi “làm sai lệch nội dung...” vì giữa “sửa chữa” và “làm sai lệch nội dung” có dấu phẩy (,)⁹. Cách hiểu thứ hai là hiểu theo hướng bỏ qua dấu phẩy (,) nói trên. Theo cách hiểu này, khoản 1 chỉ mô tả một hành vi là hành vi sửa chữa... và hành vi này phải làm sai lệch nội dung...¹⁰. Trong hai cách hiểu này, cách hiểu thứ nhất không hợp lý vì theo cách hiểu này sẽ có hành vi sửa chữa... mà không làm sai lệch nội dung và ngược lại có hành vi làm sai lệch nội dung mà không phải là hành vi sửa chữa... Ở đây, chỉ có thể xảy ra khả năng thứ nhất mà không thể xảy ra khả năng thứ hai. Như vậy, cần hiểu dấu hiệu hành vi trong khoản 1 Điều 340 theo cách thứ hai. Theo đó, chỉ hành vi sửa chữa giấy tờ mà làm sai lệch nội dung mới có thể là hành vi khách quan của tội này và hành vi này sẽ cấu thành tội phạm trong 02 trường hợp được điều luật quy định. Tuy nhiên, để người đọc hiểu thống nhất theo cách này, phải bỏ dấu phẩy (,) giữa từ “sửa chữa” và cụm từ “làm sai lệch”. Việc có dấu phẩy (,) trong khoản 1 Điều 340 đã làm cho nghĩa của câu không chính xác.

đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị...”.
⁹ Dấu phẩy ở đây có tác dụng ngăn cách hai vị ngữ trong câu (“sửa chữa” và “làm thay đổi”).

¹⁰ Khi bỏ dấu phẩy, trong câu chỉ còn một vị ngữ nên chỉ còn một hành vi là sửa chữa; còn cụm từ “làm thay đổi” là bổ ngữ cho vị ngữ sửa chữa. Theo đó, có 02 loại hành vi sửa chữa giấy tờ: Sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy tờ và sửa chữa không làm thay đổi nội dung giấy tờ.

Ở điểm b khoản 2 Điều 340¹¹, giữa từ “sửa chữa” và cụm từ “làm sai lệch” có kết từ “hoặc” và như phân tích trên thì kết từ này là thừa. Ngoài ra, trong điểm b còn thiếu từ “nội dung” sau cụm từ “làm sai lệch” và thừa từ “tài liệu” sau từ “giấy tờ”, vì từ “giấy tờ” là từ đại diện cho các đối tượng của hành vi sửa chữa, trong đó có “tài liệu”. Theo đó, điểm b có thể là: “Sử dụng giấy tờ đã bị sửa chữa làm sai lệch nội dung thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Thứ ba, tội danh ở Điều 341, Điều 342 chưa ngắn gọn; diễn đạt Điều 341 không chính xác

Tội danh ở Điều 341 là “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tội danh ở Điều 342 là “Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ở 02 điều này, tội danh đều đề cập đến “con dấu” và “tài liệu” của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, quy định của Điều 341 không chỉ đề cập đến “tài liệu” mà còn đề cập đến “giấy tờ” và theo diễn đạt “...tài liệu hoặc giấy tờ khác...” thì “giấy tờ” là khái niệm chung, trong đó có “tài liệu”. Cách hiểu này cũng thống nhất với cách hiểu tại Điều 340 nói trên vì tại điều này, từ giấy tờ được sử dụng là từ đại diện thay cho các đối tượng khác nhau, trong đó có “tài liệu”. Theo đó, nên sử dụng thống nhất từ “giấy tờ” là từ đại diện trong tội danh ở các điều 341 và 342, còn quy định của các điều này sẽ diễn giải các loại giấy tờ.

Với tiêu đề “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, Điều 341 thể hiện 02 tội danh. Đây là trường hợp 02 tội danh được ghép vào cùng một điều. Hai tội danh này đều được xây dựng theo cách diễn giải, liệt kê các đối tượng của hành vi phạm tội cũng như chủ thể của các đối tượng đó nên tội danh ở điều này tương đối dài. Điểm chung của hai tội danh này là đều liên quan đến con dấu giả và tài liệu giả. Trong đó, từ tài liệu/tài liệu giả cần được thay bằng từ giấy tờ/giấy tờ giả như đã phân tích. Để tội danh ở Điều 341 ngắn gọn có thể gộp 02 tội danh thành một. Theo đó, tội danh ở điều này có thể là “Tội làm, sử dụng con dấu, giấy tờ giả”. Diễn giải về các chủ thể của con dấu, giấy tờ sẽ được thể hiện trong quy định của điều này.

¹¹ “Điều 340. ...

1. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) ...;

b) Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Với tiêu đề “Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Điều 342 thể hiện tội danh được xây dựng theo cách diễn giải, liệt kê các hành vi phạm tội, các đối tượng của hành vi phạm tội cũng như chủ thể của các đối tượng này. Đây cũng là tội danh tương đối dài. Điểm chung của các hành vi phạm tội này là đều gắn với lỗi cố ý của chủ thể và đều liên quan đến chế độ quản lý con dấu hoặc tài liệu. Trong đó, từ tài liệu cần được thay bằng từ giấy tờ như đã phân tích. Theo đó, tội danh ngắn gọn ở Điều 342 có thể là “Tội xâm phạm chế độ quản lý con dấu, giấy tờ”.

Khoản 1 Điều 341 được diễn đạt: “Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật...”. Theo đó, từ “giấy tờ” cũng như các từ “con dấu”, “tài liệu” được sử dụng 02 lần. Ở lần sử dụng đầu, “giấy tờ” có thêm tính từ “khác” để thể hiện “tài liệu” là một loại “giấy tờ” và như vậy là chính xác. Tuy nhiên, ở lần sử dụng thứ hai, “giấy tờ (giả)” không có tính từ “khác” để thể hiện “tài liệu (giả)” là một loại “giấy tờ (giả)” và như vậy là không chính xác. Để bảo đảm tính chính xác, khoản 1 Điều 341 có thể được diễn đạt như sau: “Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng thứ giả này thực hiện hành vi trái pháp luật...”. Cách diễn đạt này không chỉ khắc phục sự thiếu chính xác mà còn làm cho diễn đạt ngắn gọn hơn.

Điểm c khoản 2 Điều 341 quy định: “Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác”. Diễn đạt này không logic vì lặp lại hành vi “làm” đã được thể hiện qua từ “phạm tội” ở mở đầu khoản 2. Theo đó, để bảo đảm tính logic cũng như tính thống nhất trong sử dụng từ, điểm này cần được diễn đạt như sau: “Con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác được làm giả có số lượng từ 02 đến 05”.

Điểm d khoản 2 Điều 341 quy định: “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”. Diễn đạt này không chính xác vì thiếu tính từ “giả” và không logic vì lặp lại hành vi “sử dụng” đã được thể hiện qua từ “phạm tội” ở mở đầu khoản 2. Theo đó, để bảo đảm chính xác, logic thì điểm này cần được diễn đạt như sau: “Con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác giả được sử dụng để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”.

Điểm a khoản 3 Điều 341 quy định: “Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên”. Theo phân tích trên, điểm này cần được diễn đạt lại như sau: “Con dấu, tài liệu, giấy tờ khác được làm giả có số lượng từ 06 trở lên”.

Điểm b khoản 3 Điều 341 quy định: “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Theo phân tích trên, điểm này cần được diễn đạt lại như sau: “Con dấu, tài liệu, giấy tờ khác giả được sử dụng để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”

Thứ tư, diễn đạt tại khoản 1 Điều 344 không chính xác; các điểm b, c khoản 2 không thể là quy định riêng trong mối quan hệ với quy định chung tại khoản 1:

Khoản 1 Điều 344 quy định: “Người nào vi phạm quy định về hoạt động xuất bản thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị...”. Diễn đạt này có nghĩa, hành vi phạm tội theo Điều 344 phải là hành vi vi phạm quy định về xuất bản nhưng phải có thêm dấu hiệu được xác định trong các trường hợp sau:

“a) In 2.000 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm mà không có quyết định xuất bản, không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật;

b) Xuất bản, in hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép với số lượng 500 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm;

c) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử có nội dung bị cấm, không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật.”.

Quy định tại các điểm a, b và c trên đây không phải là quy định về dấu hiệu bổ sung cho hành vi vi phạm quy định về hoạt động xuất bản để hành vi vi phạm này bị coi là tội phạm mà là quy định về các vi phạm quy định cụ thể về hoạt động xuất bản. Theo đó, để bảo đảm tính logic, khoản 1 Điều 344 cần được diễn đạt lại là: “Người nào thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định về hoạt động xuất bản sau đây, thì bị...”.

Khoản 2 Điều 344 quy định về các trường hợp phạm tội tăng nặng. Cụ thể, khoản này quy định: “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Có tổ chức;

b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt hoặc bản thảo tài liệu không kinh doanh đã có dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản để xuất bản bản thảo có nội dung bị cấm theo quy định của Luật Xuất bản;

c) Phát hành xuất bản phẩm có nội dung bị cấm theo quy định của Luật Xuất bản”.

Trong 03 điểm của khoản 2 trên đây, chỉ có quy định tại điểm a có tính chất là quy định về dấu hiệu tăng nặng của các hành vi phạm tội của tội vi phạm quy định về hoạt động xuất bản được quy định tại khoản 1, còn quy định tại các điểm b và c cũng là quy định về hành vi phạm tội cụ thể ngang hàng với các hành vi phạm tội được quy định tại khoản 1. Do vậy, quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 không ngang hàng với quy định tại điểm a khoản này. Để bảo đảm tính logic trong bố cục của Điều 344, cần đưa quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 lên khoản 1 và khoản 2 chỉ còn quy định tại điểm a. Ngoài ra, cần bỏ dấu phẩy (,) giữa từ “thay đổi” và cụm từ “làm sai lệch” tại điểm b vì dấu phẩy này làm cho quy định không chính xác. Nếu không có dấu phẩy thì sẽ hiểu điểm b quy định 1 hành vi là hành vi thay đổi và hành vi này phải làm sai lệch nội dung; còn nếu có dấu phẩy thì sẽ hiểu điểm b quy định 2 hành vi là hành vi thay đổi và hành vi làm sai lệch. Cách hiểu này không logic vì không thể có trường hợp làm sai lệch nội dung mà không có hành vi thay đổi...

Thứ năm, diễn đạt tại khoản 2 Điều 346 không chính xác

Khoản 2 Điều 346 BLHS quy định: “2. Tái phạm nguy hiểm hoặc phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”. Quy định này không có sự liên kết hình thức với khoản 1 (mô tả tội phạm) nên không “trọng ý”, không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật văn bản đối với bố cục khoản. Để có sự liên kết với khoản 1 và bảo đảm “trọng ý”, khoản 2 Điều 346 cần được diễn đạt như sau: “2. Phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015;
2. Đại học Quốc gia Hà Nội, *Lógica học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2020;
3. Nguyễn Ngọc Hòa, “Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội phạm tham nhũng dưới góc độ kỹ thuật lập pháp”, *Tạp chí Luật học*, số 10/2021;
4. Phạm Mạnh Hùng, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần các tội phạm)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2019;
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm (Quyển 2)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2024.